TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2022.
(V/v Ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngà và anh Bùi Quyết Thắng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thiết và bà Đinh Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1987 (Có mặt tại phiên tòa)
Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh **Bùi Quyết T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt có lý do)
Nơi ĐKHKTT: Xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.
Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 1, đội 22, Trại giam Thanh Xuân, Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Quyết T kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục vợ chồng về sống với gia đình anh T tại xóm K, xã P, huyện Tân Lạc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm ăn nuôi dậy con cái. Vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đã nghiện hút ma túy, bỏ bê gia đình, con cái và đối xử tệ bạc với gia đình. Chị N đã tạo điều kiện cho anh T đi cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng sau khi ra trại anh T vẫn tiếp tục lao sâu vào nghiện hút. Từ cuối năm 2019 anh T bỏ nhà đi đâu không biết, không thường xuyên ở nhà cho

đến tháng 1 năm 2020 anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử về tội ma túy với mức hình phạt 8 (*tám*) năm tù. Hiện nay anh T đang chấp hành bản án tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội. Trước thời gian đó chị N và anh T đã sống ly thân, này thấy tình cảm không còn chị N làm đơn xin ly hôn anh Bùi Quyết T. Do anh Bùi Quyết T đang chấp hành án tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội, nên chị N có đơn đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội và giải quyết ly hôn vắng mặt anh Bùi Quyết T.

Về con chung: Chị N và anh T 01 con chung là Bùi Quyết C, sinh ngày 14/02/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và chưa đề nghị anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn – anh Bùi Quyết T do đang chấp hành án tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội do đó anh T không có mặt tại Tòa án nhưng đã có bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của mình nộp cho Tòa án. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Bùi Quyết T thể hiện anh T có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị N đã cung cấp. Anh T xác nhận mình là đối tượng nghiện chất ma túy và đang chấp hành Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên với mức hình phạt 8 năm tù. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã ủy thác thu thập chứng cứ cho trại giam Thanh Xuân, Hà Nội thu thập lời khai, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét. Anh T đã tự khai đồng ý ly hôn với chị N, về con chung anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho bố mẹ đẻ anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung anh T xác nhận là không có.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, Hà Nội đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Quyết T có mâu thuẫn trầm trọng; anh T nghiện ma túy, đã sống ly thân thời gian dài và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng chính đáng của nguyên đơn và quyền lợi mọi mặt của cháu C đang ở và học tập ổn định với mẹ nên cần xem xét giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, giao dục nuôi dưỡng. Về tài sản do chị N và anh T đều khai không có và không đề nghị giải quyết, về nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Quyết T không có mặt tại Tòa án có lý do chính đáng. Tòa án đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Trại giam Thanh Xuân, Hà Nội thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh địa chỉ của anh Bùi Quyết T đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cho anh Bùi Quyết T. Do bị đơn là anh Bùi Quyết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hơn nữa chị Bùi Thị N là nguyên đơn trong vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Quyết T đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Quyết T theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tung dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Quyết T khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị N và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T nghiện chất ma túy, không quan tâm đến cuộc sống của chị N và con chung nên vợ chồng chị N anh T bất đồng quan điểm, cả hai đã sống ly thân nhau. Quá trình sống ly thân chị N và anh T cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc nhau. Như vậy chị N và anh T đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội thời gian là 8 *(tám)* năm, như vậy đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị Bùi Thị N và anh Bùi Quyết T có 01 con chung là Bùi Quyết C, sinh ngày 14/02/2018. Khi ly hôn chị Bùi Thị N nhận trực tiếp nuôi 01 con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: Phía chị N có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định còn phía anh T hiện đang chấp hành Bản án tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa trong thời gian sống ly thân chị N là người quan tâm chăm sóc con chung và để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu C và trên thực tế cháu vẫn ở với mẹ là chị N. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu Bùi Quyết C cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị N chưa có yêu cầu anh T

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý kiến tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Bùi Thị N vẫn có quyền yêu cầu anh Bùi Quyết T cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, thay đổi người trực tiếp nuôi con trong quá trình chị N nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Quyết T đều xác nhận không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về nợ chung của vợ chồng*: Xác định không có.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 81; Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Bùi Quyết T.

2. Về nuôi con: Giao 01 con chung của chị Bùi Thị N và anh Bùi Quyết T là Bùi Quyết C, sinh ngày 14/02/2018 cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh Bùi Quyết T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Bùi Thị N chưa có yêu cầu. Anh Bùi Quyết T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Bùi Quyết T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bùi Thị N.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị N và anh T đều xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002739 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Bùi Thị N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã P; huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 14/8/2017)* - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yến